

Số: 2271/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND
ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý, sử dụng
đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh Khóa X, kỳ họp thứ 16 quy định mức thu, nộp, quản lý, sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3384/STC-NS ngày 13/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý, sử dụng đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Thời gian áp dụng từ ngày 02/10/2023.

Riêng các loại phí được HĐND tỉnh quy định khung mức thu tại Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023, áp dụng mức thu cụ thể như sau:

1. Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh:

a) Đối với sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh, tập kết vật liệu, thi công công trình (không áp dụng đối với thi công cầu đường, sửa chữa cầu đường). Khu vực thành thị là khu vực thuộc địa bàn các phường, thị trấn; khu vực nông thôn là khu vực thuộc địa bàn các xã còn lại:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn
1	Tập kết vật liệu, phế thải xây dựng, thi công công trình	Đồng/m ² /ngày	7.000	5.000
2	Trông giữ xe đạp, xe máy			
a	Sử dụng tạm thời	Đồng/m ² /ngày	2.000	1.000
b	Sử dụng lâu dài (trên 15 ngày/tháng)	Đồng/m ² /tháng	25.000	15.000
3	Sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ (cả ban ngày và ban đêm)	Đồng/m ² /tháng	25.000	15.000
	Riêng khu vực phố cổ thuộc phường Minh An, thành phố Hội An	Đồng/m ² /tháng	40.000	

Trường hợp, thời gian sử dụng không liên tục trong cả ngày (một buổi), thì mức thu bằng 50% mức thu nêu trên.

b) Đối với sử dụng vào mục đích lắp đặt quảng cáo (Khu vực thành thị là khu vực thuộc địa bàn các phường, thị trấn; khu vực nông thôn là khu vực thuộc địa bàn các xã còn lại):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn
I	Đặt bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo			
1	Đối với tuyến Quốc lộ 1A			
a	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt dưới 40m ²	Đồng/m ² /năm	50.000	40.000
b	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt từ 40m ² trở lên	Đồng/m ² /năm	60.000	50.000
2	Đối với các tuyến Quốc lộ còn lại, tỉnh lộ			
a	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt dưới 40m ²	Đồng/m ² /năm	40.000	35.000
b	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt từ 40m ² trở lên	Đồng/m ² /năm	50.000	40.000
3	Đối với tuyến giao thông do cấp huyện,			

	cấp xã quản lý			
a	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt dưới 40m ²	Đồng/m ² /năm	30.000	25.000
b	Bảng, biển, panô, hộp đèn quảng cáo và các hình thức tương tự khác có diện tích một mặt từ 40m ² trở lên	Đồng/m ² /năm	40.000	30.000
II	Đặt quảng cáo bằng hình thức băng rôn, phướn			
1	Hình thức băng rôn	Đồng/tám/đợt	40.000	30.000
2	Hình thức phướn	Đồng/tám/đợt	25.000	20.000

2. Phí tham quan các công trình văn hóa, bảo tàng trên địa bàn tỉnh:

TT	Địa điểm tham quan	Mức thu
1	Đô thị cổ Hội An	20.000 đồng/người/công trình
2	Tháp cổ Bằng An, Chiên Đàn, Khương Mỹ	20.000 đồng/người/luợt

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan thu phí, lệ phí thực hiện:

a) Tổ chức thu, nộp phí, lệ phí theo đúng quy định tại Điều 1; niêm yết công khai tại nơi thu phí, lệ phí về tên phí, lệ phí; đối tượng nộp, mức thu, đối tượng được miễn, giảm để tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí biết và thực hiện; khi thu phí, lệ phí phải lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho đối tượng nộp phí, lệ phí theo quy định.

b) Thực hiện kê khai, nộp phí và lệ phí vào ngân sách theo quy định của Luật Quản lý thuế.

c) Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tiền phí được trích lại theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ.

c) Hằng năm, cùng với việc lập dự toán và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước được phân bổ; cơ quan thu phí, lệ phí phải lập dự toán và quyết toán thu, chi số tiền phí, lệ phí theo quy định. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, tiền phí được trích lại chưa chi hết trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

2. Cơ quan Thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan thu kê khai nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Kho bạc Nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn cơ quan thu thực hiện nộp tiền phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương quản lý lĩnh vực thu phí, lệ phí theo chức năng nhiệm vụ chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các cơ quan thu tổ chức thực hiện đúng quy định.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị cơ quan thu xây dựng phương án điều chỉnh, bổ sung gửi cơ quan chủ quản

hoặc cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực phát sinh dịch vụ thu phí, lệ phí để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX, NC, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang

Nguyễn Hồng Quang